

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **110** /2018/HS-ST
Ngày: 12/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lý Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2018/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/HSST-QĐ ngày 28/9/2018 đối với bị cáo:

Phạm Thành L; sinh ngày 08/7/1976, tại Hà Nội;

Nơi cư trú: Tổ 21, khu 8, phường M, thành phố V, tỉnh Th; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Bệnh viện mắt tỉnh Th; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Phạm Đình Kh (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1946; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ là Vi Thị Thu H, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

*** Bị hại:** Chị Lương Thị T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Q (có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Ma Văn T, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn Khuồi N, xã Phù L, huyện Hàm Y, tỉnh Q (có mặt).

2/ Anh Bùi Quốc B, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Ph, thị trấn Tân Y, huyện Y, tỉnh Q (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2013, Phạm Thành L là nhân viên Bệnh viện mắt tỉnh Th do không có tiền để chi tiêu nên đã nảy sinh ý định lừa đảo dưới hình thức nhận tiền xin việc

để chiếm đoạt tiền. L nói chuyện với Bùi Quốc B ở tổ dân phố Tân Phú, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang là có thể xin được 01 suất vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, nếu có con cháu thì L giúp, Bảo nói con còn nhỏ, L bảo xem có ai học y xong thì giới thiệu. Sau đó B nói với bà Lương Thị T, ở Thôn Khuổi Nội, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Do bà T có con trai là Ma Văn T, học trường Trung cấp Y Phú Thọ mới ra trường chưa đi làm nên bà T nhờ Bảo gọi điện bảo L xin việc cho T.

Khoảng 01 tuần sau, Bảo gọi điện nhờ L xin việc cho T, L nhất trí nói chi phí từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ, rồi B mang hồ sơ xin việc cùng 10.000.000đ đưa trước cho L để liên hệ xin việc. B nói lại với bà T, bà T đã đưa cho B 10.000.000đ + 01 hồ sơ xin việc của Ma Văn T (không nhớ thời gian cụ thể), sau đó B gọi L đến nhà của gia đình ở phường Tân Dân, thành phố Việt Trì đưa cho L toàn bộ số tiền và hồ sơ (không xác định được ngày). Ngày 07/01/2014, L gọi điện cho B hẹn ngày 08/01/2014 sẽ lên thành phố Tuyên Quang gặp bà T lấy 40.000.000đ để xin việc cho T, B có nói với bà T. Ngày 08/01/2014 tại khu vực tổ 30, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, bà T đưa cho L 40.000.000đ, L viết giấy biên nhận với nội dung xin việc cho Ma Văn T vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Một thời gian sau, sau khi L trao đổi với bà T, ngày 28/01/2014, bà Toanh gửi 5.000.000đ qua xe ô tô khách cho L. Khoảng cuối tháng 4/2014, L gọi điện thoại cho bà T nói nếu xin cho T làm ở khoa Ngoại thì đưa thêm 10.000.000đ bà T đồng ý. Ngày 09/5/2014, bà T gửi 10.000.000đ vào tài khoản cá nhân của L, L đã viết giấy biên nhận 02 lần nhận tiền trên, ghi cùng ngày 10/5/2014 rồi gửi xe ô tô khách cho bà T. Tổng số tiền Phạm Thành L đã nhận của bà Lương Thị T là 65.000.000đ. Sau khi nhận tiền của bà T, L không nộp hồ sơ xin việc cho T và để bà T tin tưởng, trong các ngày 24/5/2014, 30/6 và 04/9/2015 L tự viết giấy xác nhận mang tên Nguyễn Đức Q là cán bộ ngành y tế Tuyên Quang đã nhận hồ sơ xin việc của Ma Văn T, cam đoan trong tháng 7 và ngày 18/9/2015 sẽ có quyết định cho T đi làm. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, L đã chi tiêu cá nhân hết.

Do không thấy Tuấn được đi làm bà T nhiều lần gọi điện và tìm đến nhà, nơi làm việc của Long để đòi tiền. Tháng 9/2016 L đã trả bà T 5.000.000đ. Đến ngày 29/3/2018, bà Toanh đã tố giác hành vi phạm tội của L.

Trước cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Thành L đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai đã trả 10.000.000đ và hồ sơ cho Bùi Quốc B, trả 15.000.000đ cho đối tượng tên Q (không xác định được địa chỉ, do bà Toanh nhờ đòi tiền), khi trả tiền không viết giấy giao nhận tiền. Bùi quốc B không thừa nhận việc L đưa tiền và hồ sơ.

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKSTP ngày 20 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phạm Thành L về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Phạm Thành L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về điều luật và mức hình phạt:

- Áp dụng: điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản gì, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không đề nghị gì thêm về phần dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Lương Thị T khai: Khoảng từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 5 năm 2014 chị T được anh B nói là có quen bị cáo, L nói có khả năng xin được việc cho con của chị đi làm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Chị có nhờ anh B đưa cho L gồm 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Ma Văn T cùng số tiền 10.000.000đ. Sau đó chị trực tiếp đưa cho L số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) anh L có viết giấy nhận tiền để xin việc cho con chị. Sau đó khoảng 03 tháng anh L nói với chị nếu muốn xin vào khoa ngoại của bệnh viện A Tuyên Quang thì phải đưa thêm 10.000.000đ, chị đã chuyển khoản cho anh L số tiền 10.000.000đ và gửi xe ô tô số tiền 5.000.000đ cho anh L. Nhưng mãi không thấy con được đi làm chị nhiều lần gọi điện cho L, sau này anh L trả lời là không xin được việc cho con chị và có trả lại chị 5.000.000đ. Sau khi bị khởi tố vụ án L đã trả đủ chị số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)

Về phần dân sự tôi không yêu cầu đề nghị gì

Về phần hình phạt: Chị đề nghị xử đúng người đúng tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Quốc B khai: Anh và bị cáo L có mối quan hệ biết nhau từ trước khoảng thời gian đầu năm 2014 L có hỏi anh con đã học xong chưa, L có chỗ xin được việc trong biên chế. Anh nói con anh còn nhỏ đang đi học nếu có ai sẽ bảo cho L. Anh có nói với chị T là chỗ thân thiết từ trước là L nói xin được việc làm nên chị T có nhờ anh đưa cho L số tiền 10.000.000đ và hồ sơ xin việc của Ma Văn T. Tiếp đến ngày 08/01/2014 anh đi cùng chị T xuống thành phố Tuyên Quang để gặp L, anh được biết chị T đưa cho L 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), L có viết giấy nhận tiền để xin việc. Ngoài ra anh không được hưởng lợi gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ma Văn T khai: Anh và chị T là vợ chồng có mối quan hệ từ trước với anh B. Qua anh B nói L xin được việc cho con anh đi làm nên vợ anh có đưa tiền cho L nhiều lần. Nhiều năm con anh không được đi làm anh và chị T đã gọi điện và đến nhà đòi L tiền nhưng L không trả. Sau khi cơ quan công an khởi tố vụ án anh L đã trả lại đầy đủ tiền cho chúng tôi. Tại phiên tòa anh không yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Tại phần tranh luận, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội đối với bị cáo L. Bị cáo L nhất trí và không có ý kiến tranh luận gì.

Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua Kết luận giám định, các giấy biên nhận nợ tiền, trả tiền; lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 5/2014 trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Phạm Thành L đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức xin việc để chiếm đoạt 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của bà Lương Thị T ở thôn Khuỷ Nọi, xã phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị T. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ được mình không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì trong việc tuyển dụng vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo không có khả năng xin việc được cho con chị Toanh nhưng vẫn đưa ra thông tin sai sự thật để bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt. Tội phạm đã hoàn thành ngay sau khi bị cáo nhận tiền và hứa xin được việc cho con của chị Toanh và thực tế bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền lừa đảo được vào mục đích cá nhân không còn khả năng trả lại. Do vậy, cần phải xử bị cáo mức án nghiêm khắc mới tương xứng hành vi phạm tội và phòng ngừa tội phạm chung. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, Bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Do vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án đối với bị cáo: Xét về hành vi, nhân thân và mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, cũng đủ dẫn đê giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Đối với Bùi Quốc B do hành vi không cấu thành tội phạm và B không biết Phạm Thành L thực hiện hành vi phạm tội. Trước cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Thành L đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai đã trả 10.000.000đ và hồ sơ cho Bùi Quốc B, trả 15.000.000đ cho đối tượng tên Q (không xác định được địa chỉ, do bà T nhờ đòi tiền), khi trả tiền không viết giấy giao nhận tiền. Bùi Quốc B không thừa nhận việc L đưa tiền và hồ sơ. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thành L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
- Căn cứ: điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; 54 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành L **01 (một) năm 06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án

* *Căn cứ vào:* Khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố TQ;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- Chánh án TAND thành phố TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lý Thuý Hà

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Ngọc Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo - Lý Thúy Hà

Tạ Hồng Chiến